

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành
Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 16327/UBND-KTTC ngày 07/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc khẩn trương phối hợp hoàn thiện hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa, Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa kính báo cáo UBND tỉnh một số vấn đề cụ thể như sau:

I. VẤN ĐỀ TRÌNH

Thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 16327/UBND-KTTC ngày 07/8/2026; trên cơ sở quá trình nghiên cứu, xây dựng, lấy ý kiến, phản biện và hoàn thiện hồ sơ, Sở Công Thương kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với Đề án xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở để UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo thẩm quyền.

II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/4/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 17/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về thực hiện Khâu đột phá về xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030.

Các chủ trương nêu trên đặt ra yêu cầu phát huy vai trò của Thanh Hóa trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế tư nhân và hội nhập quốc tế. Phát triển dịch vụ logistics gắn với hệ thống cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế, khu công nghiệp, hành lang kinh tế và các trung tâm động lực của tỉnh là nội dung trực tiếp góp phần cụ thể hóa các định hướng nêu trên.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Thương mại năm 2005.

Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 21/4/2022 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16/12/2022 của Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam.

Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ về thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics.

Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 05/2021/NĐ-CP về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt.

Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/4/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.

Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025.

Quyết định số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017.

Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 08/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030.

Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch, chính sách, giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 458/QĐ-BCT ngày 13/3/2026 của Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chiến lược logistics Việt Nam thời kỳ 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 2152/QĐ-BNNMT ngày 05/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030.

Quyết định số 1024/QĐ-BXD ngày 04/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 505/QĐ-BXD ngày 17/4/2026 của Bộ Xây dựng về công bố Danh mục bến cảng, cầu cảng thuộc các cảng biển Việt Nam.

Quyết định số 177/QĐ-BGTVT ngày 15/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 428/QĐ-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố Danh mục cảng cạn Việt Nam.

Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp số 5, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Danh mục dự án thu hút đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

3. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, yêu cầu cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về phát triển dịch vụ logistics. Nghị quyết số 58-NQ/TW định hướng phát huy các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của Thanh Hóa; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Quy hoạch tỉnh tiếp tục xác định vai trò của kết cấu hạ tầng,

dịch vụ cảng và logistics đối với mô hình phát triển mới của tỉnh. Việc ban hành một Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh là cần thiết để tạo sự thống nhất về nhận thức, mục tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị.

Thứ hai, Thanh Hóa có tiềm năng, lợi thế lớn về vị trí địa kinh tế và hệ thống giao thông đa phương thức. Tỉnh nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có khả năng kết nối với khu vực Tây Bắc và nước CHDCND Lào qua Cửa khẩu quốc tế Na Mèo; đồng thời hội tụ 05 phương thức vận tải gồm đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa và đường hàng không. Cảng biển Nghi Sơn, Cảng hàng không Thọ Xuân, tuyến cao tốc Bắc - Nam, hệ thống quốc lộ cùng các khu kinh tế, khu công nghiệp và 04 trung tâm kinh tế động lực tạo điều kiện quan trọng để tổ chức mạng lưới logistics liên hoàn giữa khu vực ven biển, nội địa và biên giới.

Thứ ba, dịch vụ logistics của tỉnh còn nhiều điểm nghẽn cần được giải quyết đồng bộ. Theo Đề án, trên địa bàn tỉnh chưa có trung tâm logistics cấp vùng, cấp tỉnh hoặc cảng cạn quy mô lớn được xây dựng hoàn chỉnh; cơ cấu vận tải phụ thuộc lớn vào đường bộ, chiếm trên 74%, trong khi vận tải đường sắt và đường thủy chưa được khai thác tương xứng. Tỉnh có khoảng 1.600 doanh nghiệp có ngành nghề chính là kinh doanh dịch vụ logistics, nhưng chỉ có 649 doanh nghiệp phát sinh doanh thu; phần lớn doanh nghiệp có quy mô nhỏ, dịch vụ chủ yếu ở cấp độ cơ bản, thiếu doanh nghiệp có năng lực cung cấp dịch vụ tích hợp 3PL, 4PL.

Thứ tư, yêu cầu giảm chi phí logistics, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và môi trường đầu tư. Chi phí logistics cao làm tăng giá thành sản phẩm và làm giảm lợi thế cạnh tranh của tỉnh trong thu hút đầu tư, nhất là trong bối cảnh các chuỗi sản xuất và dòng vốn FDI đang có xu hướng cơ cấu lại địa điểm đầu tư. Đề án xác định cần phát triển đồng bộ hạ tầng, dịch vụ, nguồn hàng, hãng tàu, kho bãi, trung tâm logistics và các dịch vụ giá trị gia tăng để giảm chi phí và rút ngắn thời gian luân chuyển hàng hóa.

Thứ năm, yêu cầu phát triển chuỗi logistics phục vụ nông sản, sản phẩm chủ lực và OCOP. Tỉnh còn thiếu hệ thống chuỗi lạnh, kho bảo quản, điểm tập kết, phân loại, đóng gói và các dịch vụ quản trị chuỗi cung ứng chuyên nghiệp; mức độ ứng dụng các hệ thống quản lý vận tải, quản lý kho và công nghệ số tại doanh nghiệp còn hạn chế. Phát triển logistics xanh, thông minh, truy xuất nguồn gốc và chuỗi lạnh là điều kiện để nâng cao chất lượng, giảm hao hụt và đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

Thứ sáu, yêu cầu gia tăng giá trị tạo ra tại địa phương từ hoạt động xuất khẩu và dịch vụ logistics. Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh năm 2025 đạt 7,15 tỷ USD; trong khi một lượng đáng kể hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn vẫn thực hiện các công đoạn logistics, vận chuyển và thông quan qua các đầu mối ngoài tỉnh. Việc phát triển các đầu mối logistics, cảng cạn, hệ thống kho bãi và dịch vụ hỗ trợ trên địa bàn nhằm tăng khả năng sử dụng dịch vụ tại chỗ, giữ lại

giá trị gia tăng từ dịch vụ logistics và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh.

Từ những cơ sở nêu trên, việc xây dựng và trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết.

4. Cơ sở nghiên cứu, tham khảo

Trong quá trình xây dựng Đề án, cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu kinh nghiệm phát triển logistics của các quốc gia, địa phương có hệ thống logistics phát triển hoặc có bước cải thiện mạnh về năng lực logistics, gồm:

- Kinh nghiệm của Singapore về phát triển cảng biển và trung tâm logistics tích hợp; khu thương mại tự do; đầu tư kết cấu hạ tầng; thu hút doanh nghiệp logistics quốc tế; chuyển đổi số; đào tạo nhân lực và huy động nguồn lực.

- Kinh nghiệm của Phần Lan và Đan Mạch về logistics xanh, giảm phát thải, tối ưu hóa năng lượng, áp dụng tiêu chuẩn ESG và phát triển vận tải đa phương thức.

- Kinh nghiệm của Đức và Hà Lan về mạng lưới trung tâm logistics đa phương thức, kết nối cảng biển - đường bộ - đường sắt - đường thủy; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, tự động hóa và quản trị chuỗi cung ứng.

- Kinh nghiệm của Ấn Độ về quy hoạch tích hợp hạ tầng logistics, Chính sách logistics quốc gia, nền tảng dữ liệu dùng chung, phát triển theo hành lang, cảng biển và đưa chính sách logistics xuống cấp bang, địa phương.

- Kinh nghiệm của Trung Quốc về mô hình “hành lang - đầu mối - mạng lưới”; gắn logistics với các cụm công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, khu thương mại tự do; phát triển cảng thông minh, tự động hóa và các hành lang logistics quốc tế.

- Kinh nghiệm phát triển dịch vụ logistics của thành phố Hải Phòng, trong đó lấy cảng biển làm hạt nhân nhưng gắn đồng bộ với khu công nghiệp, cảng cạn, depot, CFS, kho ngoại quan, trung tâm logistics và vùng hậu phương hàng hóa.

- Kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển thị trường logistics, hệ sinh thái cảng - ICD - kho bãi - khu công nghiệp, đa dạng hóa phương thức vận tải và phát triển doanh nghiệp logistics.

- Kinh nghiệm của thành phố Đà Nẵng về phát triển Cảng Liên Chiểu gắn với Khu thương mại tự do, logistics hàng không, hành lang kinh tế Đông - Tây và cải cách thủ tục thông qua chuyển đổi số.

- Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh về kết hợp cảng biển, cửa khẩu, đường cao tốc, sân bay, khu công nghiệp; huy động nguồn lực ngoài nhà nước và phát huy lợi thế logistics biên giới.

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước, Đề án rút ra các nhóm bài học đối với Thanh Hóa về: (1) thể chế và quản lý nhà nước; (2) hạ tầng giao thông; (3) hạ tầng logistics; (4) phát triển dịch vụ logistics; (5) phát triển doanh nghiệp logistics; (6) đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; (7) thu hút và tổ chức nguồn hàng; (8) thu hút đầu tư và huy động nguồn vốn; (9) kết nối, mở rộng

thị trường; (10) phát triển logistics xanh và bền vững; (11) phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH XỬ LÝ

Nghị quyết về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là Nghị quyết chuyên đề dự kiến trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành; nội dung có phạm vi rộng, liên quan trực tiếp đến định hướng phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, quy hoạch, đầu tư, tài chính, đất đai, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, nguồn nhân lực, liên kết vùng và huy động nguồn lực xã hội.

Theo khoản 7 Điều 2 Quy chế làm việc số 05-QC/TU ngày 19/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện việc định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trọng yếu; cho ý kiến đối với các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội, chủ trương huy động nguồn lực xã hội và các chương trình, dự án quan trọng thuộc phạm vi quy định.

Vì vậy, Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh xem xét hồ sơ; trên cơ sở ý kiến của UBND tỉnh, trình Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh là phù hợp với tính chất, phạm vi và quy trình xử lý của hồ sơ.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG HỒ SƠ

1. Các bước đã thực hiện

(i) Xây dựng dự thảo ban đầu và lấy ý kiến trong nội bộ Sở Công Thương

- Ngày 16/4/2026 và ngày 16/6/2026, Sở Công Thương tổ chức lấy ý kiến trong nội bộ Sở để rà soát, hoàn thiện dự thảo ban đầu trước khi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan.

(ii) Thành lập Tổ Biên tập, ban hành kế hoạch triển khai

- Ngày 15/7/2026, Giám đốc Sở Công Thương ban hành Quyết định số 1230/QĐ-SCT thành lập Tổ Biên tập; ngày 16/7/2026, Sở Công Thương ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng Đề án và dự thảo Nghị quyết.

(iii) Lấy ý kiến lần 1 đối với hồ sơ dự thảo

- Ngày 05/8/2026, Sở Công Thương gửi hồ sơ lấy ý kiến các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, hiệp hội và doanh nghiệp có liên quan về nội dung Đề án và dự thảo Nghị quyết.

(iv) Tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh

- Ngày 07/8/2026, Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn số 16327/UBND-KTTC chỉ đạo khẩn trương phối hợp hoàn thiện hồ sơ. Ngày 09/8/2026, Sở Công Thương có Công văn số 3282/SCT-QLXNK phân công cụ thể nhiệm vụ, giao Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu làm đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm tổng thể, xuyên suốt trong quá trình hoàn thiện hồ sơ.

(v) Kiện toàn Tổ Biên tập liên ngành và thống nhất quy chế, phương thức phối hợp

- Ngày 11/8/2026, Giám đốc Sở Công Thương ban hành Quyết định số 1435/QĐ-SCT kiện toàn Tổ Biên tập; ngày 12/8/2026 ban hành Quy chế hoạt động và Giấy mời số 1446/GM-SCT để tổ chức Hội nghị ngày 13/8/2026, thống nhất phân công nhiệm vụ, đề cương Đề án, đề cương Nghị quyết và các nội dung liên quan.

(vi) Lấy ý kiến lần 2 và đề nghị phản biện

- Ngày 20/8/2026, Sở Công Thương tiếp tục lấy ý kiến lần 2 đối với Đề cương Đề án, Đề cương Nghị quyết, dự thảo Đề án và dự thảo Nghị quyết; đồng thời đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, xác nhận số liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Ngày 21/8/2026 và ngày 22/8/2026, Sở Công Thương lần lượt có Công văn số 3612/SCT-QLXNK và Công văn số 3623/SCT-QLXNK đề nghị Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa tham gia phản biện đối với dự thảo.

(vii) Tổ chức Hội nghị liên ngành và tiếp tục bổ sung thông tin, số liệu

- Ngày 25/8/2026, Sở Công Thương tổ chức Hội nghị liên ngành để rà soát, trao đổi về thực trạng, số liệu, quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, hạ tầng, nguồn hàng, danh mục nhiệm vụ, dự án, nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện.

- Ngày 26/8/2026, Sở Công Thương có Công văn số 3730/SCT-QLXNK đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục cung cấp, rà soát thông tin, số liệu chuyên sâu phục vụ hoàn thiện Đề án và dự thảo Nghị quyết.

2. Các bước thực hiện tiếp theo

- Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến; cập nhật số liệu và hoàn thiện đồng bộ Đề cương Đề án, Đề án, Đề cương Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo.

- Báo cáo UBND tỉnh xem xét; trên cơ sở ý kiến của UBND tỉnh, trình Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến.

- Sau khi Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thống nhất, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo thẩm quyền.

V. NỘI DUNG TRÌNH

1. Khái quát Đề cương Đề án

Đề cương Đề án được xây dựng theo **03 phần chính**:

- **Phần I** - Đánh giá tình hình: làm rõ sự cần thiết và cơ sở xây dựng Nghị quyết; tổng quan xu hướng, kinh nghiệm phát triển logistics trên thế giới và trong nước; phân tích các yếu tố tác động đến phát triển logistics của tỉnh; đánh giá thực trạng phát triển logistics Thanh Hóa, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- **Phần II** - Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: phân tích bối cảnh, cơ hội và thách thức; xác định quan điểm, mục tiêu; 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá giai đoạn 2026 - 2030.

- **Phần III** - Tổ chức thực hiện: xác định trách nhiệm của các cơ quan Đảng, các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện.

2. Khái quát Đề cương Nghị quyết

Đề cương Nghị quyết được xây dựng theo **04 nội dung lớn**:

- **Phần I** - Tình hình và nguyên nhân: đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; thể chế và quản lý nhà nước; hạ tầng; doanh nghiệp và dịch vụ logistics; nguồn nhân lực; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; tạo nguồn hàng và liên kết vùng; đồng thời xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan.

- **Phần II** - Quan điểm, mục tiêu: xác định quan điểm phát triển, mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- **Phần III** - Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: gồm 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quản lý nhà nước và thể chế; hạ tầng logistics và giao thông kết nối; liên kết vùng và nguồn hàng; doanh nghiệp và thị trường; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; nguồn nhân lực chất lượng cao.

- **Phần IV** - Tổ chức thực hiện: xác định trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh; các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị chức năng; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Một số nội dung trọng tâm của Đề án và dự thảo Nghị quyết

3.1. Quan điểm phát triển

Đề án và dự thảo Nghị quyết xác định phát triển dịch vụ logistics là **động lực, dịch vụ thiết yếu** nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng không gian phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Nhà nước kiến tạo, doanh nghiệp là trung tâm, hạ tầng và kết nối là nền tảng; phát triển theo tư duy hệ thống và chuỗi cung ứng, lấy hiệu quả toàn chuỗi, giảm thời gian, chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ làm thước đo.

Phát triển logistics tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, gắn với Cảng biển Nghi Sơn, Cảng hàng không Thọ Xuân, Cửa khẩu quốc tế Na Mèo, các khu công nghiệp và vùng sản xuất; phát triển theo vùng, hành lang, chuỗi giá trị, tăng cường liên kết; huy động khu vực tư nhân và FDI; gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

3.2. Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Xây dựng và phát triển Thanh Hóa trở thành một trong những trọng điểm của cả nước về phát triển các dịch vụ logistics, đáp ứng nhu cầu

trong nước và từng bước đáp ứng nhu cầu quốc tế; tập trung phát triển các trung tâm logistics và các dịch vụ logistics mũi nhọn như cảng biển, dịch vụ vận tải, kho bãi; hình thành hệ sinh thái logistics đồng bộ, hiện đại, có khả năng kết nối đa phương thức, liên vùng và quốc tế; từng bước giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sức hấp dẫn đầu tư của tỉnh.

- Đến năm 2030, Tốc độ tăng trưởng trung bình ngành dịch vụ logistics đạt 16% - 20%/năm; tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong GRDP đạt 4% - 6%. Phần đầu giảm chi phí logistics xuống tương đương 14% - 17% GRDP; Tỷ lệ doanh nghiệp thuê ngoài dịch vụ logistics đạt 60% - 65%; 70% người lao động ngành logistics được đào tạo trình độ chuyên môn kỹ thuật, trong đó có 30% có trình độ đại học; Xây dựng ít nhất 01 trung tâm logistics hiện đại cấp vùng/quốc gia kết hợp với Cảng cạn ICD và 03 trung tâm logistics cấp tỉnh và liên xã; Hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển tỉnh Thanh Hoá theo quy hoạch đạt từ 57-65 cầu cảng, nâng cao năng lực tiếp nhận các tàu container và tàu hàng rời có trọng tải lớn từ 70.000 DWT đến 100.000 DWT; Đầu tư nâng cấp, xây dựng các hạng mục tại Cảng hàng không Thọ Xuân đáp ứng công suất khoảng 5 triệu lượt hành khách/năm và 27.000 tấn hàng hoá/năm nhằm phục vụ bứt phá cho logistics hàng không; Phát triển thêm 500 doanh nghiệp logistics hoạt động trên địa bàn (có phát sinh nộp ngân sách nhà nước); hình thành 03-05 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics cấp độ 3PL, 4PL; thu hút thêm 01-02 hãng tàu container lớn của thế giới mở tuyến vận tải container quốc tế thường xuyên qua Cảng Nghi Sơn; Đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 10.000 lượt nhân lực logistics, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp; tập trung vào kỹ năng số, tư duy đổi mới sáng tạo, logistics tích hợp, quản trị chuỗi cung ứng và các nghiệp vụ logistics chuyên sâu; Dịch vụ logistics phát triển hiệu quả theo hướng giảm phát thải, chuyển đổi sang các nguồn năng lượng xanh; Đạt tỷ lệ 100% cơ quan nhà nước quản lý về logistics kết nối nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; 80% doanh nghiệp dịch vụ logistics trên địa bàn ứng dụng công nghệ số, sử dụng các giải pháp quản trị thông minh.

- Tầm nhìn đến năm 2050:

Thanh Hóa trở thành trung tâm dịch vụ logistics quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, có năng lực kết nối quốc tế; Khu kinh tế Nghi Sơn phát triển thành đầu mối logistics - cảng biển - công nghiệp hiện đại; hệ sinh thái logistics vận hành trên nền tảng số, xanh, thông minh, có khả năng chống chịu cao, cung cấp nhiều dịch vụ tích hợp và giá trị gia tăng, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam vào năm 2050.

3.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Dự thảo xác định **06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp** chủ yếu: (1) nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện thể chế; (2) phát triển kết cấu hạ tầng logistics và giao thông kết nối đồng bộ; (3) thúc đẩy liên kết vùng và tạo lập nguồn

hàng; (4) nâng cao năng lực doanh nghiệp và phát triển thị trường; (5) đẩy mạnh chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; (6) phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao.

Trên cơ sở đó, Đề án cụ thể hóa danh mục nhiệm vụ, đề án giai đoạn 2026 - 2030 theo 07 nhóm: thể chế và quản lý nhà nước; kết cấu hạ tầng logistics; liên kết vùng; xây dựng nguồn hàng, phát triển thị trường; nâng cao năng lực doanh nghiệp và chất lượng dịch vụ; nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh; phát triển nguồn nhân lực. Danh mục kèm theo xác định cơ quan chủ trì, phối hợp, sản phẩm, thời gian thực hiện và khái toán.

3.4. Tổ chức thực hiện

Dự thảo Nghị quyết xác định trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh; các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị chức năng; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đề án phân công cụ thể thêm cho Văn phòng Tỉnh ủy, các sở, ngành, cơ quan liên quan và UBND các xã, phường; trong đó Sở Công Thương là cơ quan thường trực, đầu mối chung về logistics.

VI. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Trong quá trình xây dựng hồ sơ, Sở Công Thương đã tổ chức lấy ý kiến trong nội bộ Sở; lấy ý kiến các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, hiệp hội và doanh nghiệp; đề nghị Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa tham gia phản biện; đồng thời tổ chức Hội nghị liên ngành ngày 25/8/2026 để rà soát, trao đổi, thống nhất các nội dung của hồ sơ.

Các ý kiến, thông tin và số liệu nhận được trong quá trình xây dựng được Sở Công Thương tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu gửi kèm hồ sơ. Đối với các nội dung, số liệu được đề nghị tiếp tục bổ sung theo Công văn số 3730/SCT-QLXNK ngày 26/8/2026, Sở Công Thương tiếp tục rà soát, cập nhật để bảo đảm sự thống nhất giữa Đề án, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan.

VII. HỒ SƠ, TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Dự thảo đề cương Đề án xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Dự thảo Đề án xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Dự thảo đề cương Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, chuyên gia, hiệp hội và doanh nghiệp.

7. Biên bản Hội nghị liên ngành ngày 25/8/2026.

8. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

VIII. ĐỀ NGHỊ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

Sở Công Thương kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến thống nhất đối với hồ sơ Đề án và dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung phát triển dịch vụ logistics tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trên cơ sở đó, trình Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo dự thảo Tờ trình gửi kèm.

Sở Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất thuộc trách nhiệm của Sở; tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật và hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền.

Sở Công Thương kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XNK.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Hiệu